

Số: 392/TM-TTYT

Đắk Mil, ngày 16 tháng 6 năm 2023

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các doanh nghiệp kinh doanh thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế trên địa bàn và các tỉnh lân cận.

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/03/2016 của Bộ Tài Chính về việc quy định việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị trực thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế tại đơn vị, để có căn cứ xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm gói thầu mua vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm trong khi chờ đấu thầu năm 2023-2024, Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil đề nghị quý công ty cung cấp bảng báo giá của các mặt hàng theo các danh mục sau:

1. Danh mục số 1: Đinh, nẹp, vít, vật tư hỗ trợ dùng trong phẫu thuật ngoại khoa (16 khoản).
2. Danh mục số 2: Que thử/ Khay thử dùng trong xét nghiệm các loại (14 khoản).
3. Danh mục số 3: Hoá chất sử dụng tương thích với máy điện giải JOKOH EX-DS (03 khoản).
4. Danh mục số 4: Hóa chất sử dụng tương thích với máy sinh hóa GLOBAL 240 + KENZA 240TX bổ sung DVKT mới (13 khoản).

Bảng báo giá bao gồm các thông tin: Tên hàng hoá vật tư, tên thương mại, các thông số kỹ thuật cơ bản, hãng sản xuất, nước sản xuất, quy cách đóng gói, đơn vị tính, đơn giá, mã kê khai trên cổng <https://kekhaigiattbyt.moh.gov.vn/> của Bộ Y tế, giá trúng thầu gần nhất tối đa không quá 120 ngày (nếu có).

Bảng báo giá các công ty gửi về Trung tâm Y tế huyện Đắk Mil trước ngày 26/06/2023, gửi kèm file excel về địa chỉ khoaduocdakmil@gmail.com.

Rất mong nhận được sự quan tâm từ quý các cơ quan đơn vị.

Trân trọng cảm ơn./.



Handwritten signature

Nơi nhận: *lưu*

- Như trên;
- BGĐ; P.HC-KT, P.KH-NV;
- HĐKH&CN, HĐT&ĐT;
- Lưu VT, BMT.

GIÁM ĐỐC



[Signature]
Nguyễn Đăng Trung



Stt	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng dự kiến cho 06 tháng (06/2023-12/2023)
Danh mục số 1: Đinh, nẹp, vít, vật tư hỗ trợ dùng trong phẫu thuật ngoại khoa				
1	Nẹp nén ép bản hẹp, vít các số, các cỡ	Cái	Nẹp nén ép bản hẹp, vít các số, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	5
2	Nẹp khóa nén ép bản nhỏ, vít Ø3.5mm, các cỡ	Cái	Nẹp khóa nén ép bản nhỏ, vít Ø3.5mm, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	5
3	Nẹp nén ép bản rộng, vít các số, các cỡ	Cái	Nẹp nén ép bản rộng, vít các số, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	5
4	Nẹp khóa xương đòn có móc, vít Ø3.5mm, trái/ phải, các cỡ	Cái	Nẹp khóa xương đòn có móc, vít Ø3.5mm, trái/ phải, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	5
5	Nẹp khóa xương đòn, trước trên, vít Ø3.5mm, trái/ phải, các cỡ	Cái	Nẹp khóa xương đòn, trước trên, vít Ø3.5mm, trái/ phải, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	5
6	Nẹp xương đòn chữ S các cỡ	Cái	Nẹp xương đòn chữ S các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	5
7	Nẹp mắt xích, vít 3.5 mm, 4-22 lỗ	Cái	Nẹp mắt xích, vít 3.5 mm, 4-22 lỗ, bằng inox hoặc thép không gỉ	20
8	Vít khóa đa hướng Ø3.5mm, tự tạo ren, lỗ vận ngôi sao, các cỡ	Cái	Vít khóa đa hướng Ø3.5mm, tự tạo ren, lỗ vận ngôi sao, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	10
9	Vít vỏ xương Ø2.0mm, lỗ vận lục giác, các cỡ	Cái	Vít vỏ xương Ø2.0mm, lỗ vận lục giác, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	20
10	Vít vỏ xương Ø2.7mm, lỗ vận lục giác, các cỡ	Cái	Vít vỏ xương Ø2.7mm, lỗ vận lục giác, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	20
11	Vít vỏ xương Ø3.5mm, các cỡ	Cái	Vít vỏ xương Ø3.5mm, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	20
12	Vít vỏ xương Ø4.5mm, các cỡ	Cái	Vít vỏ xương Ø4.5mm, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	20
13	Vít xương xóp Ø6.5mm, 32mm ren, lỗ vận lục giác, các cỡ	Cái	Vít xương xóp Ø6.5mm, 32mm ren, lỗ vận lục giác, các cỡ, bằng inox hoặc thép không gỉ	10

14	Vít xương xóp Ø4.0mm, ren bán phần, lỗ vận lục giác, các cỡ	Cái	Vít xương xóp Ø4.0mm, ren bán phần, lỗ vận lục giác, các cỡ, bảng inox hoặc thép không gỉ	20
15	Lưới điều trị thoát vị không tiêu	Miếng	Mảnh ghép Prolene mesh dùng trong thoát vị 6x11 cm. Thành phần: sợi polypropylene không tiêu.	6
16	Lưới điều trị thoát vị không tiêu	Miếng	Mảnh ghép Prolene mesh dùng trong thoát vị 15 x 15 cm, Thành phần: sợi polypropylene không tiêu.	2

Cộng: 16 khoản.

trc

Stt	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng dự kiến cho 06 tháng (06/2023-12/2023)
Danh mục số 2: Que thử/ Khay thử dùng trong xét nghiệm các loại				
1	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	Test	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	300
2	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng nguyên HBs	Test	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng nguyên HBs	500
3	Test thử xét nghiệm ASO latex	Test	Test thử xét nghiệm ASO latex	500
4	Que thử/Khay thử xét nghiệm HbA1c	Test	Que thử/Khay thử xét nghiệm HbA1c	100
5	Test nhanh phát hiện H.Pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày	Test	Test nhanh phát hiện H.Pylori có trong bệnh phẩm nội soi dạ dày	800
6	Test ma túy 4 chỉ số (Heroin/Morphin, Amphetamine, Methamphetamine, Marijuana)	Test	Test ma túy 4 chỉ số (Heroin/Morphin, Amphetamine, Methamphetamine, Marijuana)	500
7	Que thử đường huyết VivaChek Ino tương thích với máy hiện có	Test	Que thử đường huyết VivaChek Ino tương thích với máy hiện có	1.000
8	Que thử/Khay thử xét nghiệm HCG	Test	Que thử/Khay thử xét nghiệm HCG	300
9	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số tương thích với máy SD Urometer 10	Test	Que thử xét nghiệm nước tiểu 10 thông số tương thích với máy SD Urometer 10	4.000
10	Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, các cỡ 16-24	Cái	Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, các cỡ 16-24	4.000

11	Bơm tiêm 5ml	Cái	Bơm tiêm 5ml	20.000
12	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá, kích thước 16x38mm	Cái	Cốc đựng mẫu dùng cho máy sinh hoá, kích thước 16x38mm	20.000
13	Dây hút đàm, có van kiểm soát, có 3 lỗ (2 lỗ bên), các số	Cái	Dây hút đàm, có van kiểm soát, có 3 lỗ (2 lỗ bên), các số	1.000
14	Kim cấy chỉ	Cái	Kim cấy chỉ Khánh Phong tiết trùng dùng một lần các số (cỡ), bao gồm Thân kim, lõi kim được làm từ sợi Thép Y tế không gỉ 12Cr18Ni9. Giá lót lõi, Giá đỡ kim và Ống bảo vệ được làm từ nhựa PP chuyên dùng trong y tế	500

Cộng: 14 khoản.

22/4

Stt	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng dự kiến cho 06 tháng (06/2023-12/2023)
Danh mục số 3: Hoá chất sử dụng tương thích với máy điện giải JOKOH EX-DS				
1	Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ	Can	Hóa chất xét nghiệm điện giải Standard Solution 1, chứa các thành phần Natri, Kali, Chloride. Dung tích can chứa $\geq 470\text{ml}$. Tương thích với máy điện giải JOKOH EX-DS	10
2	Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ	Can	Hóa chất xét nghiệm điện giải Standard Solution 2, chứa các thành phần Natri, Kali, Chloride. Dung tích can chứa $\geq 140\text{ml}$. Tương thích với máy điện giải JOKOH EX-DS	10
3	Hóa chất rửa bộ phận điện giải	Chai	Dung dịch rửa bộ phận điện giải. Dung tích chai chứa $\geq 25\text{ml}$. Tương thích với máy điện giải JOKOH EX-DS	1

Cộng: 03 khoản.

Stt	Tên thiết bị y tế	Đơn vị tính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật	Số lượng dự kiến cho 06 tháng (06/2023-12/2023)
Danh mục số 4: Hóa chất sử dụng tương thích với máy sinh hóa GLOBAL 240 + KENZA 240TX (bổ sung DVKT mới)				
1	Hóa chất định lượng Gamma	ml	Hóa chất định lượng Gamma trong máu, Thành phần: R1 - Buffer (Glycylglycine, TRIS pH 8.25, Preservative); R2 - Substrate (L-G-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide)	3.840
2	Hóa chất định lượng Creatinine	ml	Hóa chất định lượng Creatinine trong máu, Thành phần: R1- CREATININE Reagent 1 (Disodium Phosphate, Sodium hydroxide); R2 - CREATININE Reagent 2 (Sodium dodecyl sulfate, Picric acid pH 4.0); R3 - CREATININE Standard.	2.600
3	Hóa chất định lượng CRP	ml	Hóa chất định lượng CRP trong máu, Thành phần: R1- CRP TIA Buffer (Phosphate buffered saline, Polyethylene glycol, Sodium azide); R2 - CRP TIA Anti-CRP (Phosphate buffered saline, Polyclonal goat anti-human CRP, Sodium azide).	330
4	Hóa chất hiệu chuẩn CRP	ml	Hóa chất hiệu chuẩn CRP, Thành phần: R1 - CRP1; R2 - CRP2; R3 - CRP3; R4 - CRP4; R5 - CRP5 (5 lọ CRP Standard với 5 mức khác nhau).	5
5	Hóa chất nội kiểm mức 1 CRP	ml	Hóa chất nội kiểm mức 1 CRP, Thành phần: R1 - CRP CONTL1 (CRP Control Low).	1
6	Hóa chất nội kiểm mức 2 CRP	ml	Hóa chất nội kiểm mức 2 CRP, Thành phần: R1 - CRP CONTH1 (CRP Control High).	1

4/4

7	Hoá chất định lượng CK-MB	ml	Hoá chất định lượng CK-MB, Thành phần: Substrate-enzymes (Creatine phosphate, D-Glucose, N-Acetyl-L-cystein, AMP, ADP, NADP, AP5A, G-6-PDH, HK), Buffer (Imidazole Acetate pH 6.8 tại 30 độ C, EDTA Na2, Magnesium Acetate, Surfactant, Stabilizer, Polyclonal antibody).	600
8	Hoá chất định lượng Triglycerides	ml	Hoá chất định lượng Triglycerides trong máu, Thành phần: R1 - Reagent (PIPES, Magnesium chloride, Chloro-4-phenol, Lipase, Peroxydase, Glycerol 3 phosphate oxidase, Glycerol Kinase, 4-Amino-antipyrine, Adenosine triphosphate Na, Clearing Agent); R2 - Etalon (Triglycerides).	2.430
9	Hoá chất hiệu chuẩn máy sinh hóa	ml	Hoá chất hiệu chuẩn máy sinh hóa, Thành phần: R1 - Multicalibrator Multiparametric Calibrator (Freeze dried bovine serum); R2 - Multicalibrator Diluent.	220
10	Kiểm chuẩn Level 1 máy sinh hóa	ml	Kiểm chuẩn Level 1 máy sinh hóa, Thành phần: R1 - Exatrol-N Level 1 (Lyophilised bovine serum); R2 - Exatrol-N Diluent.	110
11	Kiểm chuẩn Level 2 máy sinh hóa	ml	Kiểm chuẩn Level 2 máy sinh hóa, Thành phần: R1 - Exatrol-P Level 2 (Lyophilised bovine serum); R2 - Exatrol-P Diluent.	110
12	Dung dịch tẩy rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	ml	Dung dịch tẩy rửa chứa Alkaline buffet pH 11.0 và các chất khác, Thành phần: Alkaline buffet pH 11.0; Chất bảo quản. Một hộp gồm 2 lọ 250 ml.	2.000
13	Dung dịch tẩy rửa dùng cho máy phân tích sinh hóa	ml	Dung dịch tẩy rửa chứa Sulphuric acid và các chất khác, Thành phần: Sulphuric Acid. Một hộp gồm 2 lọ 250 ml.	2.000

Cộng: 13 khoản.

6/1/2024